

Bản án số: 169/2017/HS-ST.
Ngày: 14-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Trí- nơi công tác: Thị Đoàn Tân Uyên;

Ông Lê Quang Xet.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2017; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 177/2017/HSST ngày 27/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2017/QĐXXST-HS ngày 04/12/2017, đối với bị cáo:

Trần Văn A, sinh năm 1994; giới tính: Nam; HKTT: Ấp N, xã M, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa; Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1969; tiền sự: Không.

Tiền án: Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử 02 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 17/2015/HSST ngày 17/04/2015. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 27/8/2016.

Ngày 21/8/2017 có hành vi trộm cắp tài sản, ngày 24/8/2017 bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. *Người bị hại:* Huỳnh Minh B, sinh ngày 02/5/2002; địa chỉ: Khu phố V, phường U, thị xã E, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp I, xã Y, huyện G, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị S, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố L, phường Z, thị xã E, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn A và bà **Đặng Thị C** sống với nhau như vợ chồng tại khu nhà trọ Tân Tiến thuộc khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, có quan hệ quen biết với ông **Huỳnh Minh B** và ông **Nguyễn Trí D**.

Khoảng 15 giờ, ngày 21/8/2017 A điều khiển xe mô tô biển số 68G1 – 326.76 chở bà C đến phòng trọ của ông B tại khu nhà trọ Z thuộc tổ 2, Khu phố V, phường U, thị xã E, tỉnh Bình Dương để lấy cặp loa mà A cho ông B mượn trước đó, khi đến A đứng bên ngoài cửa phòng gọi ông B nhưng không thấy ông B trả lời nên A chở bà C về phòng trọ của mình. Bà C đi vào nấu cơm còn A tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 68G1 – 326.76 đi đến phòng trọ của ông B với mục đích lấy loa về để nghe nhạc, khi đến thấy cửa phòng trọ của ông B chỉ khép hờ không khóa nên A mở cửa đi vào bên trong. Ông B đang nằm ngủ ở trên võng, ở bên dưới nền gạch gần vị trí ông B nằm có 01 điện thoại di động OPPO F1S của ông B đang mở nhạc nên A nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của ông B. A cầm điện thoại OPPO F1S tắt nhạc rồi bỏ vào túi quần và đi về phòng trọ. Do điện thoại của ông B đổ chuông nên bà C phát hiện, hỏi A lấy điện thoại của ai, A nói “Lấy trộm của B”, nghe vậy bà C nói A đem điện thoại trả lại cho ông B nhưng A không đồng ý mà nói bà C cùng A đi cầm cổ điện thoại OPPO F1S của ông B. A điều khiển xe mô tô 68G1 – 326.76 chở bà C đến tiệm cầm đồ Th thuộc khu phố Ô, phường Nh, thị xã E, tỉnh Bình Dương để cầm cổ điện thoại. A nói bà C đứng bên ngoài trông xe còn A vào bên trong gặp bà Trần Thị S là chủ tiệm, A đưa điện thoại OPPO F1S cho bà S xem, bà S đồng ý cầm cổ với giá 2.500.000 đồng. A đã sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để trả nợ và tiêu dùng cho cá nhân.

Ông B thức dậy và phát hiện điện thoại OPPO F1S của mình bị mất nên đi tìm. Đến ngày 22/8/2017, ông B được ông Nguyễn Trí D báo điện thoại của B đang ở tiệm cầm đồ Th tại khu phố Ô, ông B đến tiệm cầm đồ Th hỏi chủ tiệm thì biết được điện thoại bị A đem cầm cổ nên đến Công an phường U, thị xã E trình báo sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 146/KLTS – TTHS ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tô tụng hình sự thị xã Tân Uyên kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu hồng nhạt, Imel: 863897037638250 đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 5.500.000 đồng.

Cáo trạng số 177/QĐ-KSĐT ngày 22/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên đã truy tố bị cáo Trần Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46, Điểm g, h Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn A từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì khác, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Bà Trần Thị S là người nhận cầm cố điện thoại OPPO F1S cho A với số tiền 2.500.000 đồng, khi cầm điện thoại bà S không biết điện thoại do A phạm tội mà có, tại phiên tòa bà S yêu cầu bị cáo A phải hoàn trả số tiền 2.500.000 đồng, bị cáo A đồng ý trả nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Đặng Thị C là người biết A trộm cắp điện thoại OPPO F1S của Huỳnh Minh B và cùng A đi đến tiệm cầm đồ Th để cầm cố điện thoại. Hiện nay bà C không có ở địa phương, đi đâu làm gì không rõ nên chưa thể làm việc với bà C để làm rõ hành vi của bà C. Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

Quá trình điều tra Trần Văn A khai: Bà C biết A lấy điện thoại của B và cùng A đi cầm cố điện thoại.

Bà Đặng Thị C khai: Sau khi phát hiện A lấy điện thoại của B có nói A đem trả nhưng A không trả, sau đó A và C đi cầm cố điện thoại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát và đồng ý quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nên không bào chữa, tranh luận.

Trong lời nói sau cùng bị cáo Trần Văn A trình bày: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật nên rất hối hận, thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về lao động, hòa nhập với cộng đồng và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Ngày 21/8/2017 tại khu nhà trọ Z thuộc Tổ 2, Khu phố V, phường U, thị xã E, tỉnh Bình Dương, Trần Văn A lợi dụng sơ hở của ông Huỳnh Minh B trong việc quản lý tài sản đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S trị giá 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự: “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự. Tuy nhiên vì mục đích tham lam, tư lợi, thái độ coi thường pháp luật mà cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 177/QĐ-KSĐT ngày 22/11/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích nay lại phạm tội ít nghiêm trọng với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm, người bị hại trong vụ án là người chưa đủ 18 tuổi. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm g, h Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần cách ly bị cáo khỏi cộng đồng xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 2.500.000 đồng theo yêu cầu của bà Trần Thị S nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về việc xem xét việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn: Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn A để đảm bảo việc thi hành án.

[7]. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát Điều tra thị xã Tân Uyên tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của bà Đặng Thị C đã đi cùng bị cáo A đến tiệm cầm đồ Th để cầm cố điện thoại di động hiệu OPPO F1S.

[8] Về chi phí tố tụng: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn A phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g, h Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn A 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 24/8/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Trần Văn A phải bồi thường cho bà Trần Thị S số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Trần Văn A phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Lan Hương